

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 173/2020/DS-ST

Ngày: 10-7-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
gửi giữ tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Xuân V, sinh năm: 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A tổ B, Khu phố C, phường Tân Thuận Đ, Quận N, Thành phố H.

Tạm trú: Số W Quốc lộ M, Tổ B1, ấp C1, xã H1, huyện C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Ou Từ H, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số W Quốc lộ M, Tổ B1, ấp C1, xã H1, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/5/2020, lời khai, các biên bản hòa giải ngày 17/6/2020 và 19/6/2020 tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Xuân V trình bày:*

Vào tháng 11/2018 bà có gửi cho cháu ruột bà là ông Ou Từ H số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), đây là số tiền bà bán nhà tại huyện N1 mà có. Sau khi bán nhà bà về sống với ông H và mẹ ông H tại địa chỉ Số W Quốc lộ M, Tổ B1, ấp C1, xã H1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống bà bị mẹ con ông H hành hạ đủ điều, bà đòi tiền ông H cũng không trả, dù ông H

đã hứa hẹn nhiều lần là khi nào bán nhà được sẽ trả nhưng cho đến nay vẫn chưa bán nhà được. Vì vậy bà đề nghị Tòa án buộc ông H phải trả lại cho bà số tiền trên.

Khi Tòa án hòa giải, ông H cho rằng ông H có trả tiền lãi cho bà được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) bà không chấp nhận, bà chỉ nhận tiền lãi ông H trả được 05 tháng từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020 (ông H trả trước), mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà đồng ý căn trừ vào số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) bà gửi cho ông H, bà yêu cầu ông H trả cho bà số tiền 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

** Tại bản tự khai ngày 17/6/2020, các biên bản hòa giải ngày 17/6/2020 và 19/6/2020, bị đơn là ông Ou Từ H trình bày:*

Ông thừa nhận ông có giữ của cô ruột ông là bà V số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên ông chưa trả lại tiền cho bà V được. Ông sẽ sắp xếp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020 cố gắng bán nhà để trả nợ, hiện nay ông cũng đang rao bán nhà nhưng chưa bán được. Ông đề nghị nếu như trong thời hạn 03 tháng ông không trả tiền được cho bà V thì bà V có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản của ông là quyền sử dụng đất ngang 5m x 22m tọa lạc tại số W Quốc lộ M, Tổ B1, ấp C1, xã H1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án.

Ông đề nghị bà V không được có những lời lẽ xúc phạm, chửi bới gia đình ông và cũng không đòi hỏi tiền bạc lời lãi gì đối với ông nữa. Ông đã trả cho bà V được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền lãi nhưng không có giấy tờ chứng minh, bà V thừa nhận có nhận của ông 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi thì đề nghị căn trừ vào số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) ông đang giữ của bà V, ông chỉ có trách nhiệm trả cho bà V 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). Ông không đồng ý chịu án phí một mình mà án phí ông và bà V mỗi bên chịu một nửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 04/5/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nguyên đơn gửi cho bị đơn giữ là 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 554 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số W Quốc lộ M, Tổ B1, ấp C1, xã H1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết

định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Ngô Xuân V yêu cầu ông Ou Từ H trả số tiền ông H đang giữ của bà V là 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận ông có giữ của bà V số tiền 365.000.000đ (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng), căn trừ vào số tiền lãi ông đưa trước cho bà V (tính từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020) là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền ông còn giữ của bà V là 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng). Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét ông H đồng ý trả cho bà V số tiền 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 17/6/2020, bà V đồng ý với thời hạn trả tiền này của ông H. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Xét ông H không đồng ý chịu án phí mà yêu cầu ông và bà V mỗi bên chịu một nửa là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, bởi lẽ ông H đã vi phạm nghĩa vụ của bên giữ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 557 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“1. Bảo quản tài sản theo đúng thỏa thuận, trả lại tài sản cho bên gửi theo đúng tình trạng như khi nhận giữ”*, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tài sản là bà V, do vậy ông H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Đương sự pH chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận...”* và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: *“2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu án phí dân sự tính trên giá ngạch của số tiền ông H phải trả cho bà V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 554 và Điều 557 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật

Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Xuân V.

Buộc ông Ou Từ H phải chịu trách nhiệm trả cho bà Ngô Xuân V số tiền bà V gửi giữ là 355.000.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Thời hạn trả chậm nhất vào ngày 17/9/2020.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ou Từ H phải chịu án phí là 17.750.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**